

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ điều 212; điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07/6/2019.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2019 về việc công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**\*Người yêu cầu: Chị Chu Minh H**, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: số 32 tổ 8 cụm 1 phường X, quận T, thành phố H

Nơi ở: số 15 ngõ 37 đường C, phường Q, quận C, thành phố H.

**Và Anh Lưu Ngọc C**, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú + nơi ở: số 32 tổ 8 cụm 1 phường X, quận T, thành phố H

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Chu Minh H và anh Lưu Ngọc C kết hôn tự nguyện có đăng ký hôn ngày 2/2/2007 tại UBND phường C, quận B, thành phố H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Hai bên xác định bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con chung, không còn tình cảm và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai bên xác nhận có 1 con chung: Lưu Ngọc L, sinh ngày 31/7/2007. Anh chị thỏa thuận khi ly hôn anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H.

[3] Về tài sản, nhà ở chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về công nợ chung: Hai bên xác nhận không nợ ai và không cho ai vay

nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chu Minh H và anh Lưu Ngọc C.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 1 con chung là Lưu Ngọc L, sinh ngày 31/7/2007. Ly hôn, anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị H cho đến khi anh C yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được phép ngăn cản.

Về tài sản, nhà ở chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về công nợ chung: Hai bên xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Chị Chu Minh H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03515 ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố H.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

### **THẨM PHÁN**

#### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND quận T;
- UBND phường C, quận B, thành phố H;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TRẦN VIỆT HÙNG**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).